

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Địa chỉ: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, TT. Nhà Bè, H. Nhà Bè, Tp. HCM

Mã số thuế: 0301434177

Điện thoại: (028) 3782 7509

**BÁO CÁO
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
NĂM 2021**



Tháng 3 năm 2022

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ
Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, TT Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

Mẫu 02.A

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB ĐẾN 31/12/2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2021			Giải ngân đến 31/12/2021			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2021	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/21	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Sửa chữa trụ sở công ty		124	124	100								124	124		124	124	124
2																		
Tổng cộng			124	124	100%	-		-	-	-		-	124	124	-	124	124	124

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yến Duyên

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

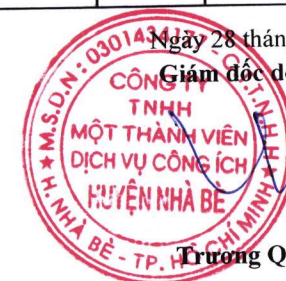
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ
Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, TT Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của DN, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ	Vốn CSH của Cty con, Cty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/vốn CSH công ty con, công ty liên kết
		Giá trị góp vốn			Tỉ lệ vốn góp (%)					Kỳ/ năm trước	Kỳ/ năm báo cáo	Kỳ/ năm trước	Kỳ/ năm báo cáo				
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/21	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/21										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con	Không có															
II	Công ty liên kết	Không có															
III	Đầu tư tài chính	Không có															

Người lập biểu


Nguyễn Thị Yến Duyên



Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc doanh nghiệp


Trương Quang Nhân

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: tr đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Thực hiện năm 31/12/2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	148,341	153,040		155,237	104.65%	101.44%	
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	82,152	85,940	87,465	87,113	106.04%	101.36%	99.60%
2. Giá vốn hàng bán	68,161	74,243	77,465	75,947	111.42%	102.30%	98.04%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13,991	11,697		11,166	79.81%	95.46%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	226	269		863	381.86%	320.82%	
5. Chi phí tài chính						-	
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,357	8,150	10,000	8,173	87.35%	100.28%	81.73%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,860	3,816		3,856	79.34%	101.05%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Thực hiện năm 31/12/2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
9. Thu nhập khác	4	315		416	10400.00%	132.06%	
10. Chi phí khác	799	31		74	9.26%	238.71%	
11. Lợi nhuận khác	(795)	284		342	-43.02%	120.42%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,065	4,100	4,185	4,198	103.27%	102.39%	100.31%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,060	927	837	674	63.58%	72.71%	80.53%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	3,005	3,173	3,348	3,524	117.27%	111.06%	105.26%

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty.

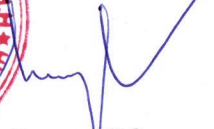
Người lập biểu


Nguyễn Thị Yến Duyên



Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc doanh nghiệp


Trương Quang Nhân

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐẾN 31/12/2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/ TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

	CHỈ TIÊU	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm ?				
	- Thu gom rác đường phố (m ²)	152,579,149	152,236,071	99.78%	99.78%
	- vệ sinh thùng rác công cộng (thùng)	36,400	36,400	100.00%	
	- Vệ sinh điểm hẹn (lần)	6,916	6,916	100.00%	
	- Chăm sóc cây xanh (ha)				
	+ Măng xanh (ha)	5.4889	4.8254	87.91%	104.10%
	+ Chăm sóc cây xanh (cây/lần)	3,633	3,633	100.00%	49.37%
	- Vận chuyển nước sạch (m ³)	8,905	8,905	100.00%	94.90%
	- Vận chuyển rác (tấn /năm)	65,327	69,996.00	107.15%	107.15%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md/năm)	309.4	308.4	99.68%	100%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu ?	không có	không có	không có	không có
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu ?	không có	không có	không có	không có
4	Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm: (ĐVT: trđ)	34,454	25,717		
	- Thu gom - vận chuyển rác đường phố (m2)	22,226	17,750	79.86%	98.27%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)	7,046	1,792	25.43%	24.61%
	- Vận chuyển nước sạch (m3)	230	61	26.52%	20.54%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md)	4,952	6,114	123.47%	123.42%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (ĐVT: trđ)	41,068	34,906		
	- Thu gom - vận chuyển rác đường phố (m2)	27,782	26,108	93.97%	93.75%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)	7,659	1,944	25.38%	24.60%
	- Vận chuyển nước sạch (m3)	125	61	48.80%	83.56%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md)	5,502	6,793	123.46%	123.46%

Người lập biểu



Nguyễn Thị Yến Duyên



Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc doanh nghiệp


Trương Quang Nhân

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ ĐẾN 31/12/2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT : tr đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	3,789	1,057		4,846
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	3,385	2,270	1,385	4,270
3. Quỹ thưởng VCQLDN	465	196		661
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Thuyết minh:

- Quỹ đầu tư phát triển: năm 2021 tăng 1.057 triệu đồng do trích 30% từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: năm 2021:
 - + Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi là: Trong năm tăng 2.270 triệu đồng từ việc thực hiện phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế
 - + Giảm quỹ khen thưởng là: Trong năm giảm quỹ 1.385 triệu đồng trong đó chi khen thưởng cán bộ công nhân viên năm 2021 là 729 triệu và chi phúc lợi là 656 triệu đồng.
- Quỹ thưởng ban điều hành: năm 2021 tăng 196 triệu do công ty thực hiện phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế.

Người lập biểu


Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 28 tháng 3 năm 2022
Giám đốc doanh nghiệp

Trương Quang Nhân

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN 31/12/2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	1,218,630,084	11,315,546,203	12,700,367,031	(166,190,744)
- Thuế GTGT	1,741,820,245	8,734,899,387	8,372,292,585	2,104,427,047
- Thuế TNDN Công ty	819,963,501	673,989,839	929,829,776	564,123,564
- Thuế TNDN Dự án	(1,578,007,691)			(1,578,007,691)
- Thuế xuất, nhập khẩu				-
- Thuế Đất	765,098,175	1,815,445,653	3,266,930,768	(686,386,940)
- Các khoản thuế khác	(530,244,146)	91,211,324	131,313,902	(570,346,724)
+ Thuế môn bài		3,000,000	3,000,000	-
+ Thuế TNCN	(407,552,351)	88,211,324	127,683,479	(447,024,506)
+ Thuế khác	(122,691,795)		630,423	(123,322,218)
2. Các khoản phải nộp khác	(41,014,558)	25,465,860	25,465,860	(41,014,558)
- Phí, lệ phí				-
- Các khoản phải nộp khác	(41,014,558)	25,465,860	25,465,860	(41,014,558)
3. Nộp ngân sách Nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định.				-
Tổng cộng	1,177,615,526	11,341,012,063	12,725,832,891	(207,205,302)

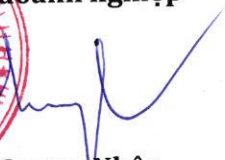
Người lập biểu


Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc doanh nghiệp




Trương Quang Nhân

Biểu số 05.A

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP ĐẾN 31/12/2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Loại hình DN: **Hoạt động Công ích - Xây dựng, duy tu**

Chi tiêu 1 (tr.đồng)			Chi tiêu 2							Chi tiêu 3					Chi tiêu 4 Xếp loại	Chi tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận sau thuế(triệu đồng)		quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại			
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH	Nợ NH	TSNH/NNH (lần)					
87,465	88,392	A	3,158	3,524	17,350	18,467	18.20	19.08	A	141,162	97,737	1.44	-	A	A	A	

Người lập biểu

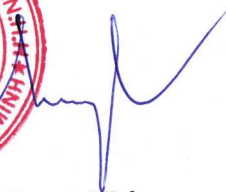


Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc doanh nghiệp




Trương Quang Nhân

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ
Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, TT Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

Biểu 05.B

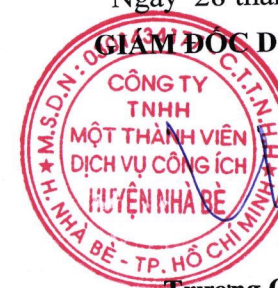
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP ĐẾN 31/12/2022
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người QLDN	Xếp loại hoạt động Người QLDN
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ	18.20	19.08	104.84	A	A	A

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Yên Duyên



GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

Trương Quang Nhân

Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**
Giấy ĐKKD số: 0301434177 ngày 11 tháng 8 năm 2010
Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, Thị Trấn Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT ĐẾN 31/12/2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính)

	Có	Không
1. Trong năm, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	X	
2. Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính/hoặc trên hành chính, ...) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không ?	X	
3. Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động hay không?	X	
4. Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?		X

Thuyết minh chỉ tiêu 4 : Doanh nghiệp luôn tuân thủ và thực hiện tốt trong việc chấp hành các chế độ, chính sách, pháp luật chủ trương của nhà nước. Trong năm không có trường hợp vi phạm nào xảy ra và bị lập biên bản vi phạm đối với doanh nghiệp.

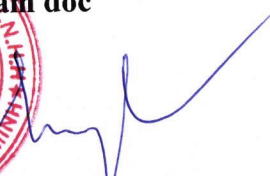
Lập biểu


Nguyễn Thị Yến Duyên



Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc


Trương Quang Nhân